

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST.

Ngày 06 – 02 – 2018.

V/v Tranh chấp ly hôn.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Phước Thiện.

Ông Kim Trung Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 06 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2017/TLST – HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2018/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1982. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1976. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 4, phường VII, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 24 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn do anh N không chí thú làm ăn, tính tình vợ chồng không hòa hợp, không thường xuyên trao đổi, bàn bạc chuyện vợ chồng với nhau, nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mất hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay không còn quan tâm đến nhau, không tạo điều kiện hàn gắn được.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 25/5/2004, đang sống với mẹ là chị Trần Thị H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Trần Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.
- Về con chung: Chị H yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng.
- Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn N vẫn vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Trần Thị H có nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị và anh N được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lưu (nay là phường VII), thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang ngày 02/5/2003 và giấy khai sinh của con chung tên Nguyễn Thị Trúc N (bản sao); anh Nguyễn Văn N không có giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, trong cuộc sống tính tình không hợp nhau, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, khi có mâu thuẫn anh chị đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau từ năm 2014 đến nay. Tòa án cũng đã tổng đạt thông báo để anh chị đến Tòa án hòa giải với nhau nhằm tạo điều kiện động viên cho anh chị đoàn tụ, nhưng anh Nguyễn Văn N đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống hôn nhân nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Trần Thị H cương quyết yêu cầu được ly hôn, không tự nguyện tiếp tục chung sống với anh N, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh N.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 25/5/2004, chị H yêu cầu được nuôi con, anh N không có ý kiến. Tòa án cũng đã tiến hành lấy ý kiến con chung thì cháu Nguyễn Thị Trúc N có nguyện vọng sống

với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Nguyễn Thị Trúc N cho chị H được quyền nuôi dưỡng. Chị H chưa có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử chưa xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị Trần Thị H yêu cầu tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn N không có ý kiến, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc chị Trần Thị H phải chịu.

[5] Đối với anh Nguyễn Văn N dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị Trần Thị H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Trúc N, sinh ngày 25/5/2004. Anh Nguyễn Văn N chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị H chưa có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc chị Trần Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0012525 ngày 24/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Chị Trần Thị H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- UBND phường VII, TP. Vị Thanh;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn